

Mẫu số 10. Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai

UBND PHƯỜNG TÂN TRIỀU
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG
VÀ ĐÔ THỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 239/PC_CMĐ_PKTHTĐT

Đồng Nai, ngày 31 tháng 07 năm 2026

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Kính gửi: Thuế cơ sở 3 thành phố Đồng Nai

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC

- Mã số hồ sơ thủ tục hành chính⁽¹⁾: H19.206-260729-1437
- Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ⁽²⁾: 29/7/2026
- Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính⁽³⁾: Chuyển mục đích sử dụng

II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

- Tên⁽⁴⁾: ông Lê Đình Liêm
 - Địa chỉ: ⁽⁵⁾khu phố Thạnh Phú, phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai
 - Số điện thoại liên hệ: 042087013897 Email (nếu có):
 - Mã số thuế (nếu có):
 - Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân⁽⁶⁾: 042087013897
- Loại giấy tờ: Căn cước công dân

III. THÔNG TIN VỀ THỪA ĐẤT/KHU ĐẤT

- Thừa đất số⁽⁸⁾: 1235; Tờ bản đồ số: 51
- Địa chỉ tại: phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai
- Giá đất

Đường: Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐDC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐDC số 51) đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng; Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.

Đoạn đường:

Vị trí: Đất ở đô thị: Vị trí 1 - Phạm vi 1; Đất ở đô thị: Vị trí 1 - Phạm vi 2; Đất ở đô thị: Vị trí 1 - Phạm vi 3;

Loại giá	Đơn giá (VNĐ/m ²)
Giá đất theo bảng giá:	Vị trí 1 - Phạm vi 1; Đất ở đô thị: 2.000.000 đồng/m ² - diện tích: 1287,6m ² Vị trí 1 - Phạm vi 2; Đất ở đô thị: 1.600.000 đồng/m ² ; - diện tích: 1208,5m ² Vị trí 1 - Phạm vi 3; Đất ở đô thị: 1.200.000 đồng/m ² ; - diện tích: 507,5m ²
Hệ số điều chỉnh giá đất (nếu có)	Đất ở đô thị: 1,30;
Giá đất cụ thể:	
Giá trúng đấu giá:	
Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:	Vị trí 1 - Phạm vi 1- Đất trồng cây hằng năm khác: 480.000 đồng/m ² ; - diện tích: 2496,1m ²

	Vị trí 1 - Phạm vi 2- Đất trồng cây hằng năm khác: 384.000 đồng/m ² ; - diện tích: 507,5m ² Đất trồng cây hằng năm khác: hệ số điều chỉnh: 1,45;
--	---

4. Diện tích thửa đất: 3180,0 m²

- Diện tích sử dụng chung: 0 m²
- Diện tích sử dụng riêng: 3180,0 m²
- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: 3003,6m²
- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²
- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: 3003,6 m²
- Diện tích đất trong hạn mức: m²
- Diện tích đất ngoài hạn mức: 3003,6 m²

5. Nguồn gốc sử dụng đất: Đất ở đô thị: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất

6. Mục đích sử dụng đất ⁽⁹⁾: Đất ở đô thị: 3003,6

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích: trồng cây hằng năm khác

7. Thời hạn sử dụng đất:

- Ổn định lâu dài: ☒ ☐

- Có thời hạn: năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:/...../.....

- Gia hạn năm. Từ ngày .../.../..... đến ngày: .../.../.....

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:

3.1.9. Hình thức sử dụng đất⁽¹⁰⁾:

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất⁽¹¹⁾:

IV. THÔNG TIN CỤ THỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THUÊ ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM TRONG LÒNG ĐẤT, THUÊ ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC

1. Đối với thuê đất để xây dựng công trình ngầm trong lòng đất (*không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất và không phải là đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm*):

- Diện tích đất: m²
- Giá đất tính tiền thuê đất:

2. Đối với thuê đất có mặt nước:

- Diện tích đất: m²
- Diện tích mặt nước: m²
- Giá đất để tính tiền thuê đất của phần diện tích đất:

V. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ)

1.Trường hợp ghi nợ:

2.Thời điểm bắt đầu ghi nợ:

3. Tiền sử dụng đất:

4. Lệ phí trước bạ:

VI. THÔNG TIN MIỄN, GIẢM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT

Miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất:

Giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất:

VII. THÔNG TIN CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH¹

1. Chi phí hạ tầng:

1.1. Số văn bản: Ngày:

1.2. Số tiền:

2. Các khoản giảm trừ khác:

2.1. Số văn bản:

2.2. Ngày quyết định:

2.3. Số tiền:

2.4. Loại giảm trừ:

VIII. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

Phiếu chuyển thuế điện từ

Tờ khai thuế phi nông nghiệp

GHI CHÚ:

Thửa đất số⁽⁸⁾: 1235; Tờ bản đồ số: 51 thuộc Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51) đến Hương lộ 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Lê Duy Quang

